

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Châu Cương;
- Ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/2024/TLST-HNGĐ
ngày 19/6/2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 203/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2024, Quyết
định hoãn phiên tòa số 169/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hạnh C, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ A, ấp
T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã
T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét
xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn bà Phạm Thị H Chị trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Thành S đăng ký kết hôn ngày
18/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên. Thời gian
đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu
thuẫn do bị đơn không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện,

dùng lời lẽ thô tục xúc phạm bị đơn dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hoà.

Nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ đầu năm 2024 đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Nguyễn Phạm Kiều V, sinh ngày 30/5/2016; Nguyễn Ngọc Bảo C1, sinh ngày 03/4/2020 và Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 03/4/2020 hiện đang sống chung với nguyên đơn. Sau khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung; yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con, số tiền cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/01 người/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến, cháu Nguyễn Phạm Kiều V, sinh ngày 30/5/2016 có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Xét thấy về tình cảm, nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung; không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Nguyễn Phạm Kiều V, sinh ngày 30/5/2016; Nguyễn Ngọc Bảo C1, sinh ngày 03/4/2020 và Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 03/4/2020 hiện các con đang sống chung với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đồng thời cháu Nguyễn Phạm Kiều V có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nên giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nhằm ổn định cuộc sống của con.

Về cấp dưỡng nuôi con, nhận thấy đó là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, nhằm chia sẻ trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

1.000.000 đồng/01 người là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao các cháu Nguyễn Phạm Kiều V, Nguyễn Ngọc Bảo C1 và Nguyễn Phạm Bảo A cho nguyên đơn nuôi dưỡng; buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.800.000 đồng/01 người cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị H Chi khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thành S; bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ A, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã T nên được xem là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ đầu năm 2024 cho đến nay. Đồng thời, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về phiên hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án tham dự, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Các cháu Nguyễn Phạm Kiều V, Nguyễn Ngọc Bảo C1, và Nguyễn Phạm Bảo A hiện đang sống chung với nguyên đơn, cháu Nguyễn Phạm Kiều V có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; bị đơn không có ý kiến về con chung. Nhằm ổn định cuộc sống của các cháu, xét giao các cháu Nguyễn Phạm Kiều V, Nguyễn Ngọc Bảo C1, và Nguyễn Phạm Bảo A cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn, thấy rằng theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định:

Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, thấy rằng việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/người là thấp so với một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại thị xã T nên chấp nhận. Cụ thể bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[7] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H Chi;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H Chi được ly hôn ông Nguyễn Thanh S1.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị H Chi được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phạm Kiều V, sinh ngày 30/5/2016; Nguyễn Ngọc Bảo C1, sinh ngày 03/4/2020 và Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 03/4/2020; buộc ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Kiều V, Nguyễn Ngọc Bảo C1 và Nguyễn Phạm Bảo A hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 1.000.000 (một triệu) đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị H Chi cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh S1 trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị H Chi phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số BLTU/23 số 0010980 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên. Bà C đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thành S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TX. Tịnh Biên (1);
- UBND nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm